TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26.01.2018.
V/v tranh chấp ***"Ly hôn"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Ngọc Trang.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Mừng
2. Ông Trịnh Văn Bé
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số**:** 414/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. NgU đơn: Chị Nguyễn Bích U**,** sinh năm 1996. (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã Kiến A, huyện C, tỉnh A.
2. Bị đơn: Anh Bùi Lê Minh N**,** sinh năm 1993(Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29.6.2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngU đơn chị Nguyễn Bích U trình bày: Chị và anh N tìm hiểu quen biết và tổ chức lễ cưới năm 2013 không đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, ngU nhân sống chung không có tình cảm, bất đồng ý kiến, anh N không quan tâm gia đình và không lo làm ăn, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn chị xin được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Thiên H, sinh ngày 08.12.2013 hiện nay sống chung với chị U, khi ly hôn chị U yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh N đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nH anh vắng mặt và cũng không gởi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Bích U xin ly hôn với anh Bùi Lê Minh N có nơi cư trú ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh A, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Bùi Lê Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nH vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bích U:

Tuy chị Nguyễn Bích U và Bùi Lê Minh N tự nguyện chung sống nH không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay chị U có yêu cầu được ly hôn với anh N thì Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 " Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tU bố không công nhận quan hệ vợ chồng….." Do đó Hội đồng xét xử tU bố không công nhận anh chị là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Thiên H, sinh ngày 08.12.2013 hiện nay sống chung với chị U. Xét thấy từ khi anh chị không còn chung sống cháu H sống với chị U, cuộc sống ổn định, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con …", chị U yêu cầu được tiếp tục nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị được tiếp tục nuôi cháu H, anh N không phải cấp dưỡng con.

Tại phiên tòa anh N vắng mặt nếu anh có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị U trình bày không có. Nếu sau này anh N có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận chị U trình bày là không có. NH sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có ngU đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Bích U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm

2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Bích U và anh Bùi Lê Minh N là vợ chồng.

2- Về con chung: Chị Nguyễn Bích U được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thiên H, sinh ngày 08.12.2013. Anh Bùi Lê Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Bích U cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Bùi Lê Minh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3- Về án phí:

Chị Nguyễn Bích U phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị U đã nộp theo biên lai số 0014271 ngày 16.8.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Chị U không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Ngọc Trang

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-UBND thị trấn Chợ Mới
, huyện Chợ Mới.
-Các đương sự;
-Lưu.

Chị U và anh N tìm hiểu và quen biết và tổ chức lễ cưới lễ cưới năm 2013 đăng kết hôn tại UBND thị trấn Chợ Mới, chung sống đến cuối năm 2015 thì không còn chung sống đến nay. Chị U xin ly hôn, Tòa án hòa giải nhiều lần chị U cương quyết ly hôn. Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh N không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét, thời gian anh, chị ly thân đã lâu chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Trân xin ly hôn với anh Bét, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình " Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn…" do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 39, 144, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL – UBTVQH 12 ngày 27.02.2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị **Lê Thị Màng** và anh **Dương Tấn Dương** là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Chị **Lê Thị Màng** được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Dương Lê Thảo Vy,** sinh ngày 24.12.2011; anh **Dương Tấn Dương** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Dương Tấn Dương** không trực tiếp nuôi con chung nH có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị **Lê Thị Màng** trình bày là không có. NH sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có ngU đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí:

Chị **Lê Thị Màng** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0004911 ngày 22.12.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Ngọc Trang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Hoàng Thị Thiện Lai – Trương Phước Công

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Ngọc Trang

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thiện Lai – Trương Phước Công **Dương Ngọc Trang**

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-UBND xã Long Điền B;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Ngọc Trang

Dương Ngọc Trang

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Thao – Hoàng Thị Tiện Lai **Dương Ngọc Trang**

Nơi nhận**:**
THẨM
-TAND tỉnh An Giang;
TÒA
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Võ Văn Vũ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Vũ

Nơi nhận**:**
THẨM
-TAND tỉnh An Giang;
TÒA
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Đặng Văn Kiệt

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Thao **Phan Thị Nga** **Đặng Văn Kiệt**

Nơi nhận**:**
THẨM
-TAND tỉnh An Giang;
TÒA
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Đặng Văn Kiệt

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Thao **Đặng Thị Kim Xuyến** **Đặng Văn Kiệt**

Nơi nhận:
THẨM
-TAND tỉnh An Giang;
TÒA
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Hoàng Vũ

Hướng dẫn sử dụng mẫu bản án sơ thẩm:.

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 238 của Bó luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dân này được sở dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự. hôn nhân và gia đình, kinh doanh. thương mại, lao động. Tuy nhiên. cần lưu ý là việc ghi số, ký hiệu và trích yếu trong bản án sơ thẩm phải thực hiện theo đúng hướng dẫn tại mục 2 Phần 1 Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể đ việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(l) Nếu là Toà án nhân dân huyện. quận, thị xã. thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toì án nhân dãn huyện. quận. thị xã. thành phố thuộc tính. thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án à dân tỉnh Hà Tây).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án. ô thứ hai ghi năm ra bản án theo đúng tinh thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án theo hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ- HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2005 có số 108 thì ghi: Số. l08/2005/HNGĐ-ST).
(3) Ghi ngày. tháng, năm tU án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.
(4) Ghi đúng theo việc ghi trích yếu được hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.
(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (l).
(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người. thì chỉ đủ họ và tên của Thẩm phán Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng ’Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghì họ và tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên loà, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.
(7) Ghi họ tên của Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà và tên của Toà án, nơi Thư ký Toà án công tác như hướng dẫn tại điểm (1) .
(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn lại điểm (l) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".
(9) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ ’Trong các" (ví dụ: Ngây 15 tháng 3 năm 2005 tại...).
Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 3...);nếu số ngày nhiều liền nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 7 đến 1 1 tháng 3 năm ....);nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngây... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28-2 đến ngày 02-3 năm...), nếu không xét xở liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04. 05 tháng 4 năm...).
(10) Nếu xét xử kín thì thay hai chữ "công khai" bằng chữ "kín".
(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghì "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2005/TLST-HNGĐ).
(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).
(13) NgU đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú. Nếu ngU đơn là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh.
NgU đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của ngU đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của ngU đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì đã ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với ngU đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì còn ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ l: ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của ngU đơn (Giám đốc Công ty TNHH Tháng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của ngU đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ngU đơn.
Ghi họ tên. địa chỉ cư trú (nếu là luật sư thì ghi là luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều ngU đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ngU đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15) .
(22) và (23) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu khống có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Trong phần này ghì quan hệ được xác lập giữa các đương sự dẫn đến có tranh chấp; các vấn đề cụ thể mà người khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết; yêu cầu phản tố (nếu có) và đề nghị cụ thể của bị đơn; yêu cầu độc lập và đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chú ý không mô tả diễn biến sự việc theo lời trình bày của các đương sự).
Ví dụ l: Trong đơn khởi kiện ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., nếu có). ngU đơn là... trình bày giữa ngU đơn và bị đơn là... có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại về vận chuyển hàng hoá. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên ngU đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn: (các yêu cầu cụ thể).
Tại văn bản phản tố ngày... tháng... năm... (hoặc tại văn bản ngày... tháng... năm..., hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).
Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án *là*... (nếu có) có yêu cầu độc lập. đề nghị: (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).
Ví dụ 2: Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày tháng... năm.... nếu có) ngU đơn là... trình bày giữa ngU đơn và bị đơn là... đăng ký kết hôn ngày... tháng... năm... Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên ngU đơn yêu cầu Toà án giải quyết (các yêu cầu cụ thể: ly hôn, nuôi con. chia tài sản chung...).
Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thành bị đơn là...có yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).
Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên loà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là...(nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị lcác yêu cầu, đề nghị cụ thể).
(25) Trong phần này ghi nhận định củaToà án. phải phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận lòng yêu cầu. đề nghị cụ thể của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của dương sự. ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Cần viện dẫn điểm. khoản và điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để chấp nhãn hoặc không chấp nhận.
(26) Trong phần này ghi áp dụng điểm. khoản. điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Toà án căn cứ để ra quyết định. Ghi các quyết định của Toà án về tổng vấn đề phải giải quyết trong vụ án. về án phí và quyền kháng cáo đôi với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.
(27) Phần cuối cùng của bản án. nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đấy đủ chữ ký. họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); nếu là bản án chính để gửi cho các đương sự. cơ quan. tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì còn ghi như sau:

Nơi nhận:
(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản chính).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)

(Họ và tên)